

NGHỆ THUẬT SÂN KHẤU DÙ KÊ KHMER NAM BỘ - NGUỒN GỐC, ĐẶC TRƯNG VÀ CÁC GIẢI PHÁP BẢO TỒN, PHÁT TRIỂN

Tiền Văn Triệu¹

Dương Hoàng Lộc²

Tóm tắt

Sân khấu Dù kê của người Khmer Nam Bộ là một di sản văn hóa độc đáo, gắn liền với đời sống tinh thần của họ. Ra đời trên mảnh đất Nam Bộ, Dù kê đã tiếp nhận hai loại hình nghệ thuật Cải lương của người Kinh và hát Tiều, hát Quảng của người Hoa. Vì vậy, ngày nay, loại hình nghệ thuật này cần được bảo tồn và phát huy giá trị trong việc giáo dục, du lịch

Từ khóa: Sân khấu nghệ thuật, Dù kê, Khmer Nam Bộ, sự bảo tồn, di sản văn hóa của đồng bào Khmer.

Abstract

Du ke theatre of the Southern Khmer people is a typical cultural heritage closely connecting with their spiritual life. Born on the South of Vietnam, Du ke inherited two types of arts: Cailuong (Vietnamese folk songs) and Chinese opera, Cantonese songs. Thus, the type of art needs to be preserved and promoted its value in education and tourism.

Key words: theatre art, Du ke, the Southern Khmer, conservation, cultural heritage of Khmer.

1. Mở đầu

Muốn đề ra các biện pháp bảo tồn, phát huy giá trị của bất kỳ một loại hình nghệ thuật nào cũng cần phải làm rõ đặc trưng, giá trị của loại hình nghệ thuật đó. Đây sẽ là nền tảng để đề ra các giải pháp bảo tồn, phát huy một cách khoa học, hiệu quả, đảm bảo tính sống còn của loại hình nghệ thuật. Trường hợp sân khấu Dù kê của người Khmer Nam Bộ cũng nằm trong quy luật chung đó.

Theo đó, bài viết trên cơ sở trình bày nguồn gốc, đặc trưng và giá trị của nghệ thuật sân khấu Dù kê sẽ đưa ra các giải pháp bảo tồn, phát huy loại hình nghệ thuật này.

2. Nội dung

Người Khmer Nam Bộ là cư dân nông nghiệp lúa nước với những biểu hiện độc đáo về sinh hoạt, văn hóa. Những đặc điểm ấy đã thể hiện rõ qua bức tranh văn hóa tộc người rất đa dạng, phong phú. Trong kho tàng văn hóa ấy, nghệ thuật sân khấu là một trong những giá trị tiêu biểu làm nên nền văn hóa đậm sắc thái Khmer Nam Bộ. Nói đến sân khấu của tộc người này thì không thể không

nhắc đến hai loại hình tiêu biểu là sân khấu Rô băm và Dù kê. Hai loại hình này là đại diện cho hai giá trị: sân khấu cung đình và sân khấu dân gian. Mặc dù vậy, trong sự hình thành và phát triển của sân khấu Dù kê vốn mang đậm sắc thái dân gian ấy có sự kế thừa của đặc trưng và giá trị sân khấu Rô băm kết hợp với các loại hình nghệ thuật của tộc người Kinh, Hoa như nghệ thuật sân khấu Cải lương và hát Tiều. Như vậy, nghệ thuật sân khấu như Dù kê của người Khmer Nam Bộ có đặc trưng, giá trị gì cũng như các giải pháp bảo tồn đối với loại hình nghệ thuật này trong bối cảnh hiện nay.

2.1. Dù kê - tên gọi và nguồn gốc

- Từ góc độ dân gian

Đến nay, về mặt tên gọi của loại hình nghệ thuật sân khấu Dù kê vẫn chưa có sự thống nhất, định danh một cách rõ ràng. Có ý kiến đề xuất gọi là Yi kê (Dì kê) vì căn cứ theo ngôn ngữ Khmer không tồn tại cụm từ Dù kê. Có lẽ vì vậy mà hiện nay, tên gọi Dì kê vẫn được người Khmer ở An Giang dùng để chỉ loại hình ca kịch truyền thống của người Khmer An Giang nói riêng và Nam Bộ nói chung. Bên cạnh đó, còn có ý kiến cho rằng, tên gọi Dì kê là cách gọi của người Khmer vùng cao

¹ Thạc sĩ, Hội viên Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam

² Thạc sĩ, Trường Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn, Tp. HCM

(ý chỉ người Khmer An Giang) định danh cho loại hình sân khấu này. Mặc dù việc xác định sự khác biệt về loại hình Di kê và Dù kê cần có sự so sánh đối chiếu một cách rõ ràng vì Di kê vốn có nguồn gốc từ Campuchia, trong khi đó Dù kê lại ra đời ở mảnh đất Nam Bộ mà người Khmer Campuchia gọi là Lo khon Bassac (sân khấu vùng Bassac).

Từ thực tế đó, có thể thấy chưa có sự thống nhất về mặt thuật ngữ loại hình cho tên gọi này. Thay vào đó, như chúng ta biết, một quy luật quan trọng của ngôn ngữ là gọi trại, đọc trại cho dễ nói, dễ nghe, dễ tiếp nhận. Quy luật đó không chỉ riêng của nhóm ngôn ngữ Khmer mà của chung các nhóm ngôn ngữ khác. Chính vì thế mới có hiện tượng phát âm nặng, nhẹ. Thậm chí người Khmer ở Sóc Trăng và Trà Vinh về mặt phát âm cũng có sự khác nhau về ngữ điệu (độ nặng, nhẹ). Và dựa trên quy luật như vậy, chuyện gọi là Dù kê hay gọi đúng nguyên ngữ là Yi kê (Di kê) cũng là chuyện bình thường. Từ hiện tượng gọi trại này hay nói khác đi là phải gọi tên cho đúng với loại hình sân khấu ra đời ở vùng Bassac đã phản ánh quá trình hình thành và phát triển tuần tự cũng như sự xác quyết về nguồn gốc của nó.

Xuất phát từ điểm nhìn như vậy, chúng tôi cho rằng, sự tồn nghi về tên gọi của loại hình này là điều không cần phải quan tâm nhiều. Thậm chí, tên gọi Dù kê đã cho thấy một xu hướng dân gian hóa loại hình nghệ thuật này, đúng như bản chất của nó. Dù kê vốn là loại hình mang đặc trưng văn hóa dân gian đậm nét, chính tên gọi Dù kê đã hàm chứa tính chất này. Không phải ngẫu nhiên mà các nhà nghiên cứu khi bàn về đặc điểm của nó đã chỉ ra phương thức “Dù kê bột” - tức Dù kê tồn tại mang tính chất địa phương trong từng phum sóc Khmer ở vùng đất Cửu Long. Vấn đề đặc trưng chúng tôi sẽ trình bày sau.

Trong quá trình đi từ vùng đất Nam Bộ Việt Nam sang đất Campuchia lưu diển, loại hình nghệ thuật này được gọi là “Lo khon Bassac” tức sân khấu vùng Bassac - chỉ Dù kê của người Khmer ở phía Tây.

- Từ góc độ nghiên cứu khoa học

Xuất hiện dưới góc độ các bài viết, công trình nghiên cứu, tên gọi Dù kê là tên gọi chính thức

được các nhà nghiên cứu sử dụng. Tiêu biểu như các tác giả của các công trình “*Người Khơ - Me tình Cửu Long*” (1987), “*Tìm hiểu vốn văn hóa dân tộc Khmer Nam Bộ*” (1988), “*Tìm hiểu nghệ thuật sân khấu Dù kê Khmer Nam Bộ trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng*” (2012). Ngoài ra trên một số tạp chí khoa học, thuật ngữ Dù kê cũng được dùng chính thống, tiêu biểu như bài viết “*Hai loại hình sân khấu của người Khmer Sóc Trăng*” (2012), “*Đặc trưng sân khấu Dù kê Khmer Nam Bộ*” (2013)...

Mặc dù vậy, cách sử dụng thuật ngữ của một vài tác giả đã có sự phân biệt giữa khái niệm Dù kê và Di kê. Tác giả của công trình “*Tìm hiểu nghệ thuật sân khấu Dù kê Khmer Nam Bộ trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng*” (2012) cho rằng Di kê (hát Lăm) chính là nền tảng thứ hai của sân khấu Dù kê Khmer Nam Bộ³. Theo tác giả này, Dù kê ngoài việc dựa trên nền tảng của Di kê (hát Lăm vốn xuất phát từ Campuchia) còn dựa trên nền tảng sân khấu Rô băm. Rõ ràng, khái niệm Dù kê được dùng chỉ loại hình ca kịch của người Khmer Nam Bộ có tính chất tổng hòa giữa yếu tố ngoại sinh trên nền tảng nội sinh sẵn có.

Tóm lại, về mặt thuật ngữ, Dù kê đã được sử dụng phổ biến và lâu dần thành tên gọi đặc trưng cho loại hình ca kịch truyền thống của người Khmer vùng đất Nam Bộ.

Về nguồn gốc của loại hình sân khấu này, đã có nhiều bài viết, công trình đề cập đến. Đáng chú ý trong số đó có công trình “*Người Khơ - Me tình Cửu Long*” (1987) đã nêu lên ba ý kiến khác nhau về nguồn gốc của loại hình này⁴. Cả ba ý kiến đều thống nhất, Dù kê ra đời vào khoảng những năm 20 đến 30 của thế kỉ 20 ở các địa bàn Trà Vinh, Sóc Trăng, trước đây gọi là Hậu Giang, Cửu Long. Tuy nhiên, các hình thức ban đầu của nó trước khi các đoàn chuyên nghiệp được hình thành và đi biểu diễn nhiều nơi như Dù kê giàn bầu, Dù kê vựa lúa,

³ Sơn Lương. 2012. *Tìm hiểu nghệ thuật sân khấu Dù kê Khmer Nam Bộ trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng*. Hội Văn học Nghệ thuật tỉnh Sóc Trăng, tr 209.

⁴ Huỳnh Ngọc Trảng, Văn Xuân Chí, Hoàng Túc, Đặng Vũ Thị Thảo, Phan Thị Yến Tuyết. 1987. *Người Khơ - Me tình Cửu Long*. Sở Văn hóa – Thông tin Cửu Long xuất bản.tr 180 - 181.

Dù kê bột... thì ra đời từ những năm cuối thế kỉ XIX, đầu thế kỉ XX. Như vậy, về mặt nguồn gốc, hiện nay chưa có sự phân định rõ ràng về mặt xuất xứ của loại hình, câu hỏi đặt ra là Dù kê của người Khmer Nam Bộ ra đời cụ thể là năm nào và ở đâu?

Đến thời điểm hiện tại chưa có một công trình nào nghiên cứu một cách hệ thống, cụ thể về nghệ thuật sân khấu Dù kê Khmer Nam Bộ. Sự xác quyết về nguồn gốc của loại hình này vẫn còn bỏ ngõ vì nhiều lẽ. Trong các công trình nêu trên, không có một công trình nào đưa ra được văn bản chính thức ghi lại nguồn gốc, xuất xứ của nó. Hơn nữa, trong các công trình đó, các tác giả chủ yếu dựa vào ký ức cá nhân chứ không dựa vào sự phát triển tuần tự của loại hình này. Thậm chí, với sự phát triển tuần tự của nó cũng không đủ cơ sở để khẳng định ra đời ở địa bàn hay thời điểm chính thức nào!

Xuất phát điểm như vậy, theo chúng tôi, cần thống nhất rằng về nguồn gốc của sân khấu Dù kê Khmer Nam Bộ nên chăng cần xem xét nó là sản phẩm chung của người Khmer Nam Bộ nói chung và gọi tên chính thống là Dù kê. Vì thực ra trong tuần tự phát triển của loại hình này (qua các phương thức tồn tại của nó như Dù kê vừa lúa, Dù kê giàn bầu, Dù kê bột) cũng không nói lên được nhiều điều về xuất xứ. Những đặc trưng có tính ngoại sinh cần xem xét cẩn thận để thấy rằng yếu tố nội sinh chính là sự quyết định sống còn của loại hình sân khấu này.

2.2. Một số đặc trưng của nghệ thuật sân khấu Dù kê

2.2.1. Tính chất dân gian hay đặc trưng bản địa

Về tên gọi, như chúng ta đã biết, các phương thức đầu tiên của loại hình này như Dù kê vừa lúa, Dù kê giàn bầu, Dù kê bột, Dù kê Chà Kọl. Tất cả đều gọi theo văn hóa dân gian. Đây là cách gọi mang đặc trưng dân gian rõ nét. Theo đó các yếu tố như “giàn bầu”, “bột”, “vừa lúa” hay thậm chí là “Chà Kọl” cũng là cách gọi xuất phát từ các phương thức diễn xướng được ra đời từ không gian văn hóa dân gian. Vì vậy, không lạ gì khi trong đời sống của loại hình này, nhiều người, nhất là các cụ già hay gọi với những cái tên “nguyên thủy” của nó. Điều đó cho thấy, sân khấu Dù kê đã đứng trên

nền tảng của văn hóa nông nghiệp lúa nước mà cư dân Khmer Nam Bộ là một chủ thể linh động, sáng tạo. Có thể coi tên gọi mang tính chất dân gian này là một yếu tố có tính bản địa đặc trưng của loại hình sân khấu Dù kê. Từ đây, họ đã tiếp thu và sáng tạo để làm nên sân khấu Dù kê rất đặc trưng của tộc người mình.

Về không gian, thời gian diễn xướng, xuất phát từ tên gọi có tính dân gian trên kia cho thấy rõ không gian, thời diễn xướng của nó. Hai yếu tố này không thể tách rời nhau. Có thể nói, đây chính là loại hình có xuất phát điểm từ không gian văn hóa gắn liền với không gian đồng ruộng. Nơi mà người Khmer Nam Bộ sau vụ mùa thu hoạch lúa và hoa màu, họ sẽ chọn mảnh ruộng, một góc rẫy hoa màu để tổ chức các lễ hội đậm chất dân gian nhất, tiêu biểu là lễ Cầu an. Sau phần nghi thức của lễ hội Cầu an là phần hội diễn của sân khấu Dù kê. Mặc dù với dân gian đã có sự biến đổi về độ dài trình diễn của loại hình này. Ngoài lễ hội Cầu an, các lễ hội có tính chất địa phương rõ nét như Chrôi Rum chek (Phước Biển), Thek Côn (Đạp Côn) của người Khmer Sóc Trăng cũng là nơi sân khấu Dù kê được trình diễn nhằm đáp ứng nhu cầu văn hóa tinh thần hết sức quan trọng của người Khmer Sóc Trăng nói riêng, Nam Bộ nói chung. Do ra đời từ văn hóa dân gian gắn liền với không gian đồng ruộng và thời gian ngơi nghỉ của cư dân nông nghiệp lúa nước nên loại hình này về mặt nguyên thủy đã chứa đựng giá trị văn hóa dân gian khác là linh động, cởi mở, vui chơi. Chính những yếu tố này là những điều kiện để sân khấu Dù kê từ dạng thức ban đầu là “vừa lúa” “giàn bầu”, “bột” dung nạp, tiếp thu, sáng tạo thêm từ sân khấu Cải lương và hát Tiều của người Kinh và Hoa để tạo nên sân khấu Dù kê đặc trưng dung hợp rõ nét.

2.2.2. Tính dung hợp của các loại hình diễn xướng: ca (kịch bản), múa, nhạc.

Trong văn hóa Khmer, các loại hình ca, múa, nhạc của họ có đặc trưng rất độc đáo. Mỗi loại có thể tìm thấy trong đó nhiều giá trị và đặc trưng khác nhau. Riêng loại hình sân khấu Dù kê thì sự dung hợp các giá trị của các loại hình diễn xướng

trên là một đặc trưng độc đáo. Tuy rằng, ở mỗi loại hình ca, múa, nhạc có thể loại hình này mượn của loại hình kia một hay vài yếu tố. Song, trong đặc trưng dung hợp của loại hình sân khấu Dù kê, sẽ có yếu tố giữ vai trò “điểm nhấn” – đó chính là ca (kịch bản). Chúng tôi xếp yếu tố này đầu tiên vì nếu không có nó, thì không phải là ca kịch Dù kê được. Sau đó đến múa, chúng ta cũng biết rằng, mỗi khi vào phần ca kịch và kết thúc đều phải có múa. Nhưng đặc trưng là múa không phải đóng vai trò quan trọng mà chỉ là yếu tố đường viền để “tạo đà” cho các đoạn thoại và nghệ thuật biểu hiện hành động đạt được giá trị thẩm mỹ của nó. Ý kiến này của chúng tôi rất khác với các ý kiến cho rằng, múa giữ vai trò chủ đạo trong loại hình này. Ở đây, chúng tôi không phủ nhận sự linh động, uyển chuyển, sự mềm mại và hấp dẫn mang tính chất nữ tính của các nghệ sĩ mà chủ yếu nhấn mạnh vai trò kịch bản như bản chất vốn có của loại hình này. Thật ra, đây cũng là yếu tố làm nên sự khác biệt giữa sân khấu Dù kê và sân khấu Rô băm. Nếu sân khấu Rô băm lấy yếu tố múa làm trọng tâm cho sự thể hiện văn hóa cung đình (rất khó học múa của Rô băm vì rất cầu kì, hơn nữa rất tốn thời gian, nghệ sĩ về nó lại rất ít) thì sân khấu Dù kê chọn yếu tố kịch bản thể hiện nhân sinh quan của họ và nhanh chóng đáp ứng nhu cầu tinh thần của đại bộ phận quần chúng nhân dân lao động Khmer. Mặc dù, sân khấu Dù kê có những yếu tố kế thừa từ sân khấu Rô băm, kể cả trong múa của Rô băm. Phải chăng vì điều này mà sân khấu Rô băm hiện chỉ tồn tại và được lưu diễn ở Sóc Trăng.

Về vai trò của âm nhạc trong loại hình này, đây là một yếu tố không phải thực hiện chức năng “tạo đà” mà thực hiện chức năng “làm nền” cho lời thoại (người nghệ sĩ sẽ thể hiện hành động và ngôn ngữ) kịch bản được thăng hoa. Vì vậy, chúng tôi xếp vai trò của âm nhạc đứng thứ hai sau kịch bản rồi đến múa.

Như chúng tôi đã nêu, tính dung hòa các yếu tố trên kia cho thấy một kịch bản sân khấu Dù kê được xem là thành công khi cả ba yếu tố này cùng được người nghệ sĩ thể hiện một cách sống động và chân thật về chủ đề hay đề tài mà tác giả kịch bản muốn thể hiện. Chính tính dung hòa đó, đã làm

cho kịch bản sân khấu Dù kê không bị xơ cứng và khó thực hiện như biểu diễn sân khấu Rô băm (tất nhiên mỗi loại có cái khó riêng).

2.2.3. Giá trị phản chiếu sự dung hợp văn hóa tộc người từ góc độ kịch bản

Dựa trên các loại kịch bản ta có thể thấy rõ đặc điểm này. Ngoài 3 loại kịch bản là: kịch bản dựa vào các truyện thơ cổ; kịch bản dựa vào truyện cổ tích; kịch bản được rút ra từ Phật thoại; còn có kịch bản thể hiện sự giao thoa văn hóa tộc người rõ nét: kịch bản là những tuồng tích của người Kinh, người Hoa trên địa bàn cùng cư trú của các tộc người này. Đây vừa là đặc điểm về mặt yếu tố kỹ thuật bên trong của loại hình này đồng thời cũng cho thấy sự dung hợp của văn hóa tộc người.

Trong chức năng diễn xướng, giá trị hưởng thụ không chỉ dành riêng cho người Khmer mà còn có cả người Kinh, Hoa cùng thưởng thức, chia sẻ. Có vùng, những lời hát được sử dụng dưới hình thức song ngữ Việt – Khmer. Đặc điểm giá trị phản chiếu về sự dung hợp văn hóa tộc người này là một quy luật tất yếu cho sự tồn tại của loại hình này. Cùng sống trong môi trường văn hóa có nhiều điểm dị biệt so với văn hóa cội nguồn của mình ở Campuchia, người Khmer Nam Bộ đã nhanh chóng tiếp thu và chịu ảnh hưởng từ văn hóa của người Kinh, Hoa và dĩ nhiên cũng có sự tác động trở lại. Theo đó, loại hình sân khấu Cải lương của người Kinh cũng có những nét tương đồng với sân khấu Dù kê của người Khmer. Đó là sự tương đồng về không gian, thời gian diễn xướng, đối tượng thưởng thức. Các phương thức tồn tại của Dù kê như Dù kê vựa lúa, Dù kê bột đã chỉ ra sự tương đồng với loại hình Ca ra bộ, hay Đờn ca Tài tử của người Kinh vốn đã phổ biến từ khi người Kinh cùng với người Khmer định cư ở vùng đất này. Những đêm hát Bội (tuồng cổ) trong lễ hội cúng đình của người Kinh chắc hẳn đã đem đến những kịch bản, những giá trị sân khấu để loại hình Dù kê dung nạp các giá trị phù hợp với văn hóa tộc người, chí ít là về mặt kịch bản sân khấu.

Hơn nữa, chúng ta thấy, kịch bản của sân khấu Dù kê vốn dựa rất nhiều vào truyện cổ của họ, nơi có thể thấy rất nhiều motif tương đồng so với

truyện cổ tích của người Kinh, nhất là các đề tài về nhân sinh, thế sự và sự hiện hữu của các nhân vật người mồ côi, người em út, nhân vật thần kì. Chính từ đây đã chỉ ra rằng, sự dung hợp kịch bản trong sân khấu Dù kê Khmer Nam Bộ cũng là một quy luật tất yếu. Ngoài ra, chúng ta còn thấy, trong loại hình hát tuồng mà người Kinh hay thưởng thức trong lễ hội cúng đình cũng có kịch bản vốn lấy kịch bản từ các kịch bản văn học của người Hoa. Vì vậy, không lạ gì loại kịch bản thứ tư như chúng tôi đã trình bày chính là biểu hiện rõ nét nhất của sự dung hợp văn hóa tộc người: Khmer, Kinh, Hoa trong loại hình sân khấu này.

Một điểm nữa đáng lưu ý là, trong sự phát triển tuần tự của loại hình này, người ta đã chú ý đến vai trò của các cá nhân mà xuất phát của họ là người Khmer lai Triều Châu (Hoa). Theo tác giả bài viết “Hai loại hình sân khấu của người Khmer Sóc Trăng” thì Lý Kọn (hay Xã Kọn), người Khmer lai Triều Châu ở xã An Ninh, Mỹ Tú là người sáng lập nên sân khấu Dù kê ở Sóc Trăng vào năm 1920⁵. Cùng thống nhất với quan điểm này, Địa chí Sóc Trăng (2012), phần nhân vật Chí ghi nhận công lao to lớn của Xã Kọn đối với nghệ thuật sân khấu Dù kê Nam Bộ nói chung và Dù kê Sóc Trăng nói riêng như sau: “Có thể khẳng định rằng, Xã Kọn là người có công đặt nền móng sân khấu Yukê đầu tiên ở Sóc Trăng. Yukê trở thành một nét độc đáo trong kho tàng văn hóa truyền thống của người Khmer Nam Bộ”⁶. Điều này, một lần nữa khẳng định, sân khấu Dù kê Khmer Nam Bộ ra đời đầu tiên ở Sóc Trăng là rất có cơ sở. Cùng với quan điểm này, tác giả của công trình nghiên cứu “Tìm hiểu sân khấu Dù kê Khmer Nam Bộ trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng” sau khi đã phân biệt cách hiểu Dù kê với Rom lăm, Lo khôn Lăm, Di kê, À pê đã đưa ra kết luận về vai trò của cá nhân và nguồn gốc Dù kê đầu tiên ở Sóc Trăng⁷.

⁵ Tiền Văn Triệu. 2011. *Hai loại hình sân khấu của người Khmer Sóc Trăng*. Tạp chí Văn hóa nghệ thuật số 12/2011. tr 40.

⁶ Ủy ban Nhân dân tỉnh Sóc Trăng. 2012. *Địa chí Sóc Trăng*. Nhà xuất bản Chính trị quốc gia. Hà Nội. tr 1077.

⁷ Xin xem thêm Sơn Lương. 2012. *Tìm hiểu nghệ thuật sân khấu Dù kê Khmer Nam Bộ trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng*, Hội Văn học Nghệ thuật tỉnh Sóc Trăng.

Ngoài những vấn đề nêu trên từ kịch bản, chúng ta có thể tìm thấy biểu hiện của văn hóa Bà la môn giáo (vì bản thân sân khấu Dù kê có tiếp thu các giá trị và kể cả kịch bản sân khấu Rô băm – nơi mà văn hóa Bà La môn giáo được lấy làm trọng tâm cho việc thể hiện văn hóa Khmer dù đã được bản địa hóa rất nhiều) và văn hóa Phật giáo Nam tông qua sự thể hiện của từng kịch bản. Nhất là giá trị và vai trò của Phật giáo Nam tông trong đời sống văn hóa tinh thần của người Khmer được thể hiện một cách đậm nét qua chủ đề thiện – ác mà các kịch bản sân khấu Dù kê xây dựng và thể hiện.

Từ những vấn đề trên đây, chúng tôi xây dựng các giải pháp bảo tồn cho loại hình sân khấu Dù kê của người Khmer Nam Bộ.

2.3. Một số quan điểm về bảo tồn và phát huy giá trị của sân khấu Dù kê

Sân khấu Dù kê là di sản văn hóa phi vật thể, loại hình diễn xướng nghệ thuật độc đáo và đặc thù, tiêu biểu của cộng đồng người Khmer ở Đồng bằng sông Cửu Long. Được nhiều thế hệ nghệ nhân bỏ nhiều công sức sáng tạo và phát triển, sân khấu Dù kê còn được xem là tài sản văn hóa của bà con Khmer Nam Bộ và thật tự hào vì có thời điểm loại hình nghệ thuật này ảnh hưởng sâu rộng đến sinh hoạt văn hóa tinh thần của người dân Campuchia⁸. Thế nhưng, hiện tại, do nhiều nguyên nhân khác nhau, nhất là đời sống của một bộ phận diễn viên gặp khó khăn, nên loại hình sân khấu này ngày càng thu hẹp trong đời sống cộng đồng. Do đó, cần phải có các biện pháp hữu hiệu bảo tồn và phát huy giá trị nghệ thuật sân khấu Dù kê của đồng bào

⁸ Theo Sơn Lương cho biết: từ năm 1929, gánh hát Dù kê của ông Chhà Kọn bắt đầu mở rộng hoạt động ở CamPuChia và gây tiếng vang khá lớn. Dần dần, Dù kê Khmer Nam Bộ đã nhanh chóng chinh phục được đông đảo khán giả và trở thành một nhu cầu sinh hoạt văn hóa thiết yếu của người dân nước này. Đặc biệt, đoàn hát của ông Chhà Kọn từng được mời vào Hoàng cung biểu diễn cho nhà vua CamPuChia xem. Cảm kích trước tấm lòng yêu nghề và sự hi sinh lớn lao, nhà vua đã tặng cho gánh hát này một huân chương của hoàng gia cùng với số tiền 2.600 Riel lúc bấy giờ. Đồng thời vua còn tặng cho ông bầu Chhà Kọn một chiếc xe ô tô màu đen để làm phương tiện đi lại của gánh hát. Nguồn: Sơn Lương (2012). *Tìm hiểu nghệ thuật sân khấu Dù kê Khmer Nam Bộ trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng*. Hội Văn học nghệ thuật tỉnh Sóc Trăng. tr. 109-114.

Khmer Nam Bộ. Quan điểm của chúng tôi về vấn đề này như sau:

Thứ nhất, ở *phương diện quan điểm bảo tồn sân khấu Dù kê*, chúng tôi mong muốn đề xuất cả hai hình thức bảo tồn “động” và bảo tồn “tĩnh”, trong đó chú trọng việc bảo tồn “động”. Theo Ngô Đức Thịnh, với di sản văn hóa phi vật thể, hình thức bảo tồn “tĩnh” tức là việc tiến hành điều tra, sưu tầm, thu thập và bảo vệ chúng bằng hình thức sách vở, hình ảnh, băng hình, băng tiếng, ... được lưu giữ ở các kho lưu trữ, viện bảo tàng. Còn hình thức bảo tồn “động” chính là bảo tồn các hiện tượng văn hóa phi vật thể ngay chính trong đời sống cộng đồng. Cộng đồng chính là môi trường không chỉ sản sinh ra hiện tượng văn hóa phi vật thể mà còn là nơi tốt nhất bảo tồn, làm giàu và phát huy nó trong đời sống xã hội⁹. Như vậy, hình thức bảo tồn “tĩnh” sân khấu Dù kê của người Khmer Nam Bộ là việc tổ chức quay phim lại những vở Dù kê có nội dung mang tính truyền thống, những bài hát của các nghệ nhân cao tuổi. Đồng thời, cần phải sưu tầm các hiện vật đàn, trống, đồ diễn, kịch bản, chân dung các nghệ nhân để giữ gìn ở các bảo tàng một số địa phương. Làm được điều này thì chắc chắn đây sẽ là những tư liệu quý giá cho thế hệ sau tìm hiểu, nghiên cứu về quá trình hình thành và phát triển loại hình nghệ thuật sân khấu này. Thế nhưng, vấn đề bảo tồn “động” nghệ thuật sân khấu Dù kê thì cần được quan tâm hơn. Làm sao để hình thức nghệ thuật này tiếp tục phát triển trong đời sống của bà con Khmer ở đây? Đáp án cho câu hỏi này chắc chắn phải liên quan đến việc tìm hiểu nhận thức, suy nghĩ của cộng đồng về loại hình nghệ thuật này, các giá trị của nó đối với bà con Khmer hiện nay, tình cảm của người dân với sân khấu Dù kê ra sao. Từ đó, các cơ quan quản lý, bảo tồn sẽ có kế hoạch tuyên truyền, giáo dục để nâng cao nhận thức của cộng đồng về việc bảo tồn, phát huy giá trị của sân khấu Dù kê.

Thứ hai, nghệ thuật sân khấu Dù kê của bà con Khmer Nam Bộ đã có gần 100 năm hình thành và phát triển với bao thăng trầm. Để được tồn tại

⁹ Ngô Đức Thịnh. 2009. *Văn hóa, văn hóa tộc người và văn hóa Việt Nam*. NXB.Khoa học xã hội. Hà Nội. tr 98-99.

đến ngày nay chính là do tinh thần sáng tạo miệt mài, không ngừng trau dồi rèn luyện, lòng yêu mến nghệ thuật, tính kiên trì nhẫn nại của nhiều thế hệ nghệ nhân. Trong sách *Tìm hiểu nghệ thuật sân khấu Dù kê Khmer Nam Bộ trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng* của Sơn Lương đã nhắc đến vai trò rất lớn của nghệ nhân nổi tiếng Chhà Kọn. Với tấm lòng thiết tha với nghệ thuật này, ông đã bỏ công sức, tiền của lập gánh hát, hướng dẫn tập luyện cho diễn viên nhằm nâng cao chất lượng nghệ thuật để phục vụ công chúng. Nhiều lần đứng trước tình thế khó khăn, thậm chí là giải tán đoàn hát, nhưng ông Chhà Kọn, bằng nhiều cách, đã làm sống lại nghệ thuật sân khấu Dù kê cho đến ngày cuối đời. Do vậy, việc tôn vinh các thế hệ nghệ nhân là cần thiết, là sự thể hiện đạo lý uống nước nhớ nguồn. Các nhà nghiên cứu cùng các cơ quan có liên quan nên tiếp tục sưu tầm, tìm hiểu tiểu sử của các nghệ nhân tiền bối và giới thiệu cho thế hệ diễn viên hiện tại, tìm cách lưu giữ, trưng bày hình ảnh và hiện vật liên quan đến họ. Đồng thời, cần có kế hoạch phong danh hiệu cho một số nghệ nhân lão thành tiêu biểu của sân khấu Dù kê. Văn hóa phi vật thể là văn hóa tiềm ẩn trong tâm thức và trí nhớ của một số người, mà lâu nay chúng ta mệnh danh họ là những nghệ nhân hay là những “báu vật sống”. Do vậy, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa phi vật thể còn đồng nghĩa với việc “bảo tồn” các “báu vật sống” đó. Đó chính là việc nhà nước, cộng đồng thừa nhận những tài năng dân gian đó, tôn vinh họ trong cộng đồng, tạo những điều kiện tốt nhất trong hoàn cảnh có thể, để họ sống lâu, sống khỏe mạnh, phát huy khả năng của mình trong sự nghiệp bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống trong điều kiện xã hội hiện đại hóa và công nghiệp hóa ngày nay¹⁰.

Thứ ba, trong việc bảo tồn và phát huy giá trị của sân khấu Dù kê thì cần phải xem đây chính là sản nghiệp văn hóa của đội ngũ diễn viên, nghệ nhân nói riêng và cộng đồng người Khmer Nam Bộ nói chung. Trong công trình *Bảo tồn, làm giàu và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống Việt*

¹⁰ Ngô Đức Thịnh. 2009. *Văn hóa, văn hóa tộc người và văn hóa Việt Nam*. NXB.Khoa học xã hội. Hà Nội. tr 99.

Nam trong đổi mới và hội nhập của Ngô Đức Thịnh chủ biên, sản nghiệp văn hóa là những di sản văn hóa có giá trị cao và nhiều mặt (giá trị lịch sử, giá trị văn hóa, nghệ thuật,...) đáp ứng được những nhu cầu tham quan, tìm hiểu, khám phá của nhân dân, có thể đưa ra khai thác và mang lại những giá trị kinh tế cao vừa đóng góp vào nền kinh tế quốc dân vừa tạo ra nguồn lực có thể đầu tư trở lại nhằm bảo tồn và phát huy bản thân di sản văn hóa ấy¹¹. Thế nhưng bản thân Dù kê không thể trở thành sản nghiệp văn hóa nếu không có các hoạt động đầu tư, quảng bá, thu hút khách tham quan. Chúng tôi nghĩ rằng, nên gắn liền Dù kê với hoạt động du lịch ở một số địa phương (Trà Vinh, Sóc Trăng, Kiên Giang, Bạc Liêu, An Giang) thông qua việc tổ chức biểu diễn cho khách du lịch trong và ngoài nước. Các đoàn hát Dù kê, đội ngũ diễn viên và phục vụ biểu diễn nhất thiết phải được hưởng lợi, tăng nguồn thu nhập từ đây để an tâm biểu diễn, sống chết với nghề vì hiện nay cuộc sống của một bộ phận diễn viên gặp rất nhiều khó khăn¹². Điều này góp phần rất lớn cho Dù kê phát triển trong bối cảnh hiện nay, tạo điều kiện từng bước xã hội hóa loại hình sân khấu này. Ngoài ra, nhà nước cũng cần có chính sách hỗ trợ, đãi ngộ hợp lý cho các đoàn hát, diễn viên.

Thứ tư, nhu cầu thưởng thức Dù kê của công chúng hiện nay là rất lớn. Bài báo *Sức sống của nghệ thuật sân khấu Dù kê Nam Bộ* cho biết hai khó khăn lớn của Dù kê hiện nay là thiếu nguồn nhân lực trẻ và kịch bản. Riêng về kịch bản thì đội ngũ sáng tác cho sân khấu Dù kê không nhiều và vì là loại hình tổng hợp nên người viết cũng phải là người có đủ trình độ và am hiểu nghệ thuật biểu diễn cần thiết. Thế nhưng, hiện công tác đào tạo nhân lực cho nghệ thuật Khmer chủ yếu dựa

vào việc truyền nghề tại các đoàn nên chậm và không theo sát được tốc độ phát triển của nhịp sống đương đại¹³. Điều này cho thấy vai trò quan trọng của giáo dục trong việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa dân tộc hiện nay. Một ý kiến cho rằng nên ưu tiên chỉ đạo các trường đào tạo chuyên ngành nghệ thuật hình thành khoa nghệ thuật sân khấu, trong đó có môn nghệ thuật sân khấu Dù kê. Khi đủ khả năng, điều kiện cho phép nên thành lập trường đào tạo nghệ thuật dân tộc Khmer ở Đồng bằng Sông Cửu Long¹⁴. Gần đây, Trường Đại học Trà Vinh đã mở ngành học Biểu diễn Nhạc cụ Truyền thống với hai chuyên ngành *Biểu diễn Nhạc cụ Truyền thống Khmer Nam Bộ* và *Nghệ thuật Sân khấu Cải lương* bậc đại học thuộc Bộ môn Nghệ thuật - Khoa Ngôn ngữ, Văn hóa, Nghệ thuật Khmer Nam Bộ quản lý. Thiết nghĩ, đây là sự khởi đầu khá quan trọng cho việc đào tạo chính qui, bài bản, chuyên nghiệp cho sân khấu Dù kê trong tương lai. Trường Đại học Trà Vinh là nơi thực hiện nhiệm vụ trọng điểm quốc gia đào tạo nhân lực về Ngôn ngữ - Văn hóa - Nghệ thuật Khmer Nam Bộ. Vì vậy, các cấp quản lý nên tạo điều kiện cho Nhà trường đầu tư hơn nữa ngành học Nghệ thuật biểu diễn nhạc cụ truyền thống Khmer Nam Bộ bằng nhiều hình thức như cấp kinh phí nghiên cứu khoa học, biên soạn giáo trình, tổ chức các hội thảo khoa học chuyên sâu và làm sao tập hợp đội ngũ các chuyên gia đến tham gia giảng dạy, nghiên cứu để góp phần nâng cao chất lượng đào tạo. Mặt khác, cũng nên có kế hoạch đào tạo kiến thức văn hóa cho đội ngũ diễn viên hiện nay.

Thứ năm, bên cạnh vai trò của giáo dục, nghiên cứu là một nhân tố góp phần rất lớn vào việc bảo tồn và phát huy di sản văn hóa, trong đó có Dù kê. Hiện tại, các công trình nghiên cứu về Dù kê chưa được nhiều, chưa tiếp cận ở nhiều góc độ khác nhau. Cho nên, các cơ quan quản lý, khoa học và đào tạo cần đầu tư nhiều cho việc nghiên cứu nghệ

¹¹ Ngô Đức Thịnh. 2009. *Văn hóa, văn hóa tộc người và văn hóa Việt Nam*, Hà Nội, NXB.Khoa học xã hội. tr 281

¹² Ông Sóc Kha cho biết thực trạng đời sống của diễn viên Dù kê như sau: Một vấn đề nữa: Do khó khăn về đời sống, kinh tế. Hiện nay đa số các nghệ nhân Dù kê từ bầu gánh hát đến diễn viên, nhạc công, phục vụ tất cả đều là nông dân, thậm chí có người không có một tấc đất sản xuất chuyên đi làm thuê, làm mướn, lao động phổ thông, khi đến mùa khô là thời điểm thuận lợi cho việc lưu diễn họ mới tập hợp nhau lại tập dợt tuồng và đi diễn. Có thể nói hoạt động của Đoàn Dù kê này hoàn toàn do có tinh thần yêu nghề, việc bán vé doanh thu chỉ mang tính chất bồi dưỡng tiền son phấn mà thôi, xem <<http://www.bandantoc.soctrang.gov.vn>

¹³Nguồn:<http://vov.vn/Van-hoa/Suc-song-cua-nghe-thuat-san-khau-Du-Ke-Nam-Bo/228302.vov>.

¹⁴ Sơn Lương. 2012. *Tìm hiểu nghệ thuật sân khấu Dù kê Khmer Nam Bộ trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng*. Hội Văn học nghệ thuật tỉnh Sóc Trăng. tr 230.

thuật sân khấu Dù kê thông qua các đề tài khoa học để làm sáng tỏ giá trị và nguồn gốc của nó hơn nữa. Chúng tôi cho rằng, đây là một tiền đề quan trọng cho việc đề xuất xem xét Dù kê là di sản văn hóa ở các cấp trong thời gian tới. Được xuất bản năm 2012, công trình *Tìm hiểu nghệ thuật sân khấu Dù kê Khmer Nam Bộ trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng* của Sơn Lương là một nghiên cứu rất đáng hoan nghênh mà hiện một số tình chưa làm được.

3. Kết luận

Chúng tôi đã trình bày một cách cơ bản về nguồn gốc, đặc trưng và giá trị cũng như các giải pháp bảo tồn đối với loại hình nghệ thuật sân khấu Dù kê của người Khmer Nam Bộ. Song, để có thể bảo tồn, phát huy giá trị của một di sản văn hóa độc đáo của tộc người này, cần tiếp tục có những nghiên cứu chuyên sâu theo từng chủ đề của loại

hình này để làm cơ sở khoa học cho việc hoạch định các chính sách đối với việc bảo tồn, phát huy. Đặc biệt những nhà quản lý trên lĩnh vực này cần nắm rõ nguồn gốc, đặc trưng và giá trị của loại hình này để làm cứ liệu khoa học cho việc đề xuất các giải pháp một cách tối ưu, đảm bảo tính sống còn của loại hình nghệ thuật này.

Theo đó, để bảo tồn và phát huy một cách tốt nhất, cần có tầm nhìn chiến lược trong công tác đào tạo nguồn nhân lực cũng như có đầu tư kinh phí một cách thỏa đáng nhằm giảm bớt những khó khăn đối với đội ngũ diễn viên sân khấu Dù kê. Bởi vì, với hiện tại, xu hướng xã hội hóa các lĩnh vực không loại trừ nghệ thuật thì trước hết nghệ thuật cần thể hiện được vị trí, vai trò và đặc trưng của mình trong đời sống văn hóa tinh thần trước khi có sự đồng thuận, hỗ trợ từ phía xã hội và cộng đồng.

Tài liệu tham khảo

- Huỳnh Ngọc Trảng, Văn Xuân Chí, Hoàng Túc, Đặng Vũ Thị Thảo, Phan Thị Yến Tuyết. 1987. *Người Khơ - Me tỉnh Cửu Long*. Sở Văn hóa – Thông tin Cửu Long xuất bản.
- Ngô Đức Thịnh. 2009. *Văn hóa, văn hóa tộc người và văn hóa Việt Nam*, Hà Nội, NXB. Khoa học Xã hội.
- Ngô Đức Thịnh (chủ biên). 2012. *Bảo tồn, làm giàu và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống Việt Nam trong đổi mới và hội nhập*. NXB Khoa học Xã hội. Hà Nội.
- Nhiều tác giả. 1988. *Tìm hiểu vốn văn hóa dân tộc Khmer Nam Bộ*. NXB Tổng hợp Hậu Giang.
- Sơn Lương. 2012. *Tìm hiểu nghệ thuật sân khấu Dù kê Khmer Nam Bộ trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng*. Hội Văn học nghệ thuật tỉnh Sóc Trăng.
- Tiền Văn Triệu. 2011. *Hai loại hình sân khấu của người Khmer Sóc Trăng*. Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật. số 12/2011.
- Trần Thị Thúy Hằng. 2013. *Đặc trưng sân khấu Dù kê Khmer Nam Bộ*. Tập san khoa học Xã hội và Nhân văn. Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn. số 59, tháng 6/2013.
- Ủy ban Nhân dân tỉnh Sóc Trăng. 2012. *Địa chí Sóc Trăng*. NXB Chính trị quốc gia. Hà Nội.